

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 09 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan Anh và bà Lý Thị Ngân;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/01/2021 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị Hồng D - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn S 2, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn N- Sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Bản N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

+Ông Lự Đình T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Bản N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai

+Bà Vũ Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn S 2, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai

+Ông Hoàng Xuân M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn S 2, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Vi Thị Hồng D trình bày: Chị và anh Hoàng Văn N đến với nhau trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/3/2017 tại UBND xã K, huyện V,

tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn, khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi về chung sống cùng nhau thì chị phát hiện ra anh N là người nghiện chất ma túy và ham chơi, đua đòi, không chịu tu chí làm ăn kinh tế, không chăm lo cho gia đình. Chị D có khuyên bảo anh N nhiều lần, nhưng anh không nghe theo mà vẫn nghiện ma túy và bỏ mặc việc nhà cho gia đình, khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau những lần cãi nhau này thì hai vợ chồng chị ở riêng mỗi người một nơi, chị D sống ở thôn S 2, xã H, huyện V, còn anh N chuyển về sống ở thôn Bản N, xã K, huyện V. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành, hai vợ chồng vẫn ly thân. Nay chị D xét thấy hai vợ chồng chị sống ly thân nhau đã rất lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Chị Vi Thị Hồng D xác định, chị không có con riêng, chị và anh N cũng chưa có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và vay nợ: Chị D xác định trong thời gian chung sống, hai vợ chồng chị không có tài sản chung, hai vợ chồng chị không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày: Tại bản tự khai ngày 02/02/2021, về thời gian đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng, anh không bỏ S thêm. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh cùng chung sống, nhưng đến tháng 8/2018 thì chị D bỏ đi tỉnh Thái Nguyên làm việc và không trở về chung sống cùng anh. Anh có gọi vợ về nhưng vợ không về, cả hai không chung về tài chính và ở cùng nhà. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng chị D vẫn kiên quyết không về ở cùng nhau. Anh N nhận thấy anh vẫn còn tình cảm với vợ, nên anh không nhất trí ly hôn chị D.

Về con: Anh N cũng xác định, anh không có con riêng, không có con chung với chị D. Nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và vay nợ: Anh N xác định trong thời gian chung sống, hai vợ chồng không có tài sản chung, hai vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh N cung cấp chứng cứ bảo vệ quyền lợi cho mình, nhưng đã hết thời hạn quy định mà anh không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào.

Ngày 31/3/2021 Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ tại địa phương. Tòa án đã tiến hành thông báo, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N vắng mặt, không có lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Vi Thị Hồng D và bị đơn anh Hoàng Văn N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228, 229, Điều 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Vi Thị Hồng D được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị Hồng D khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Hoàng Văn N, ĐKKHKT tại Thôn Bản N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Vi Thị Hồng D, bị đơn anh Hoàng Văn N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Hồng D và anh Hoàng Văn N kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2017 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai, như vậy quan hệ hôn nhân của chị D và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì chị D và anh N có mâu thuẫn tình cảm với nhau, nguyên

nhân là do anh N ham chơi, nghiện chất ma túy, không tu chí làm ăn để lo cho gia đình, nên tháng 8/2017 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S 2, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai sinh sống, còn anh N về ở tại thôn Bản N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai, và hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh N chị D đã trầm trọng, hai người sống ly thân nhau đã lâu, không có cách nào khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

[4] Về con: chị D và anh N đều xác nhận chưa có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và vay nợ: Anh N, chị D đều xác định trong thời gian chung sống, hai vợ chồng không có tài sản chung, hai vợ chồng chị không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị Hồng D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vi Thị Hồng D:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Hồng D được ly hôn anh Hoàng Văn N.

2, Về án phí: Chị Vi Thị Hồng D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AC/2012/0001743 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị Vi Thị Hồng D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lan Anh

Lý Thị Ngân

Trần Văn Nghĩa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

